

Số: 06/2026/QĐST-VDS

Quảng Trị, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Thuý.

Thư ký phiên họp: Bà Trương Thị Tuyết Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Hồng Mận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 11/2026/TLST- VDS ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 41/2026/QĐST-VDS ngày 31 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Ninh Bình, có mặt;

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1934, địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị K: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Ninh Bình, có mặt;

+ Anh Nguyễn Quang G, năm 2006, địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt;

+ Chị Nguyễn Thị Gia T, sinh năm 2011, địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ngày 26/01/2026 bà Nguyễn Thị M yêu cầu Toà án tuyên bố ông Nguyễn Văn H mất năng lực hành vi dân sự.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, bà Nguyễn Thị M có đơn thay đổi yêu cầu giải quyết việc dân sự, yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977, địa chỉ:

Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Thư ký đảm bảo theo quy định của pháp luật;

- Sau khi thụ lý, Thẩm phán đã tiến hành lập hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật, gửi thông báo thụ lý việc dân sự cho người yêu cầu và Viện kiểm sát cùng cấp, ra quyết định trưng cầu giám định, ra quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết việc dân sự: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Vì vậy đề nghị Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự theo Điều 23 Bộ luật dân sự và Điều 376 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Người bị yêu cầu tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi có địa chỉ Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị. Do đó việc giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà anh Nguyễn Quang G và chị Nguyễn Thị Gia T vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Theo đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên họp và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc, thấy rằng ông Nguyễn Văn H có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị K, có vợ là bà Nguyễn Thị M và hai con là Nguyễn Quang G, Nguyễn Thị Gia T. Năm 2016 ông Nguyễn Văn H bị bệnh mất khả năng nhận thức, gia đình đã đưa đi điều trị tại bệnh viện T1 ở Đắc Lắc đến năm 2017 về sống tại thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị và được hưởng chế độ bảo trợ xã hội. Năm 2024, gia đình đưa ông H vào Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần B Quảng Trị để chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến nay.

Hiện nay bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

[4] Quá trình thụ lý giải quyết, theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định Pháp y tâm thần đối với ông Phạm Hữu C tại Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền T.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 627/KLGĐ ngày 11/3/2026 đối với Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị kết luận:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977, thời điểm hiện tại:

- a. Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Tâm thần phân liệt thể không biệt định (F20.3 – ICD-10). Giai đoạn bệnh thuyên giảm.
- b. Kết luận về năng lực hành vi dân sự: Có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, bà Nguyễn Thị M có đơn thay đổi yêu cầu giải quyết việc dân sự, yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; lời trình bày của người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên họp và Kết luận giám định số Kết luận giám định số giám định số 627/KLGĐ ngày 11/3/2026 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền T đối với ông Nguyễn Văn H, thấy rằng yêu cầu của bà Nguyễn Thị M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc tuyên bố ông Nguyễn Văn H là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Về lệ phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, các Điều 361, 371, 372, 376, 378 của Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 23 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, tuyên bố ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Bà Nguyễn Thị M là người giám hộ đương nhiên của ông Nguyễn Văn H theo quy định tại khoản 4 Điều 54 của Bộ luật dân sự. Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ được thực hiện tại Điều 57, Điều 58 của Bộ luật dân sự

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc dân sự, Số tiền án phí bà M phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000544 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 - Quảng Trị;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS KV 4 - Quảng Trị;
- Lưu VP, lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Hoàng Thị Thuỷ

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v⁽³⁾.....

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **tham gia phiên họp:** Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại⁽⁶⁾mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số//.../TLST-.... ngày.... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số//QĐST-..... ngày.... tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁸⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾.....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ⁽¹⁰⁾.....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹¹⁾.....

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾.....
.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

- Người làm chứng (nếu có):⁽¹⁴⁾.....
.....

- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾.....
.....

- Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾.....
.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

.....
.....
.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dânnhận định:⁽¹⁸⁾

[1]
.....

[2].....
.....

[3].....
.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾.....
.....

- (20).....

.....
 - Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾

.....
 - Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾

.....
 - Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 [Bộ luật Tố tụng dân sự](#);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
 THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP** ⁽²⁴⁾

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 .

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”